TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 860/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Tống Thị Kim Điền;
2/ Bà Lê Thị Kim Em.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chính Việt Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 615/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 245/2018/QĐHPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông PTPN, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số aa MVV, tổ 58, khu phố a, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Yêu cầu xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Bà PTNi, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số aa MVV, tổ 58, khu phố a, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông PTPN nguyên đơn trình bày:

Ông và bà PTNi qua thời gian tìm hiểu một năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký giấy kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số cc, Quyển số 01/2008 ngày 15/5/2008 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của ông là:

- Về quan hệ vợ chồng: yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: ông và bà Ni có 02 (hai) con chung tên

+ PQA (Nữ), sinh ngày 01 tháng 9 năm 2009

+ PHA (Nam), sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012.

Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà Ni trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ QA và HA. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

* Bà PTNi đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, không trình bày ý kiến.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Phiếu yêu cầu xác minh số 233/2018/PYCXM ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Công an phường TQ, Quận 7 trả lời kết quả như sau: "Đương sự PTNi, sinh năm 1988 hộ khẩu thường trú số aa MVV, tổ 58, khu phố a, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh" do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Ni. Tuy nhiên, bà Ni không đến Tòa án, Tòa án không tiến hành hoà giải được, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Ni theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông N và bà Ni tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số cc, Quyển số 01/2008 ngày 15/5/2008 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4]- Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bà Ni đã dắt hai con bỏ nhà đi từ năm 2016 đến nay. Ông không còn tình cảm với bà Ni, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Ni.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Ni không đến, nên phải gánh chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt theo quy định khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa bà Ni và ông N do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường gây gổ, bà Ni đã dắt hai con bỏ nhà đi từ năm 2016 đến nay khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông N có nguyện vọng ly hôn, xét thấy yêu cầu của ông N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 262, quyển số 02/2009 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2009 và Giấy khai sinh số 26, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2012 đã có đủ cơ sở để xác định bà Ni và ông N có 02 con chung là: trẻ PQA (nữ), sinh ngày 01 tháng 9 năm 2009 và trẻ PHA (nam), sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012. Do bà Ni hiện đang nuôi hai con nên ông N đồng ý giao hai con cho bà Ni trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ QA và HA, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Ni trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ là rất khó khăn, tuy nhiên từ năm 2016 đến nay ông N không liên lạc được với bà và các con, bà không đến tòa án nên phải gánh chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt theo quy định khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của hai trẻ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao hai trẻ QA và HA cho bà Ni trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ni có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con ở hồ sơ khác (nếu có yêu cầu).

Ông N được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Tài sản chung: Ông N xác nhận không có.

[7] Về nợ chung: Ông N xác nhận không có.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông PTPN và bà PTNi (Giấy chứng nhận kết hôn số cc, Quyển số 01/2008 ngày 15/5/2008 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2/ Về con chung: có 02 con là trẻ PQA (nữ), sinh ngày 01 tháng 9 năm 2009 và trẻ PHA (nam), sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012.

Giao bà PTNi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ QA và HA. Ông PTPN không cấp dưỡng nuôi con.

Ông N được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Ông N xác nhận không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông PTPN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026015 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông PTPN đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được Niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TpHCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục THA Dân sự Q7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Mỗi đương sự
- Lưu, hồ sơ. (Tký Việt Phương)

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo